

“TÔI KHÔNG LẤY CHỒNG VÌ HAI CHỮ CÓ CHỒNG!”: SỰ PHẢN TƯ VỀ PHỤ NỮ-HIỆN-ĐẠI ĐỘC THÂN TRONG SỰ LÒNG KẾT CỦA CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI

THIỆU THỊ TRÀ MÌ*

Ở Việt Nam, người ta cho rằng xã hội càng hiện đại thì phụ nữ càng tiệm cận với bình đẳng giới. Tuy nhiên, sự tiến bộ xã hội liên quan đến người phụ nữ vẫn bị soi xét khắt khe liệu nó có dẫn đến sự biến đổi văn hóa truyền thống vốn còn chịu ảnh hưởng bởi Nho giáo và tính nam trị. Thêm vào đó, phụ nữ độc thân được xem như là hiện thân của sự độc lập, tự do và xu hướng cá nhân đang thách thức lại những giá trị thuộc về định chế hôn nhân-gia đình truyền thống. Những diễn ngôn về việc làm, cơ thể và tính tất yếu của hôn nhân-gia đình đặt tình trạng độc thân của người phụ nữ trong vòng phán xét tiêu cực. Để đối trọng lại những điều đó, phụ nữ độc thân kiến tạo cho mình những quan điểm phản tư về một cuộc sống độc thân có ý nghĩa và về sự bất định của hạnh phúc gia đình.

Từ khóa: tình trạng độc thân, phụ nữ hiện đại, sự phản tư, tính nam trị

Nhận bài ngày: 6/11/2017; *đưa vào biên tập:* 6/11/2017; *phản biện:* 7/11/2017; *duyet đăng:* 5/12/2017

1. DẪN NHẬP VÀ THÔNG TIN VỀ NHỮNG CHỦ THỂ KỂ CHUYỆN

Để biết phản ứng và quan điểm của người phụ nữ độc thân về tác động của dư luận lên tình trạng độc thân của họ, cuối cuộc phỏng vấn với chị Kim⁽¹⁾, một phụ nữ 33 tuổi, chúng tôi đã đề cập đến một chia sẻ của một phụ nữ khác là chị Hương (32 tuổi).

NPV: Có những trường hợp chia sẻ với em rằng họ và bạn của họ nữa bị áp lực rất nhiều, đến mức nghĩ thà là cưới chồng rồi ly dị thì còn đỡ hơn là phải chịu điều tiếng về chuyện mình ế.

Kim: Dữ vậy á hả?

NPV: Dạ.

Kim: Xã hội bây giờ là thời kỳ nào rồi mà vẫn còn làm người khác bị tổn thương như vậy! Vấn đề ở đây là sự khẳng định. Bạn ấy phải khẳng định được cái giá trị của bản thân một cách độc lập cho cái xã hội này thấy, nó không nằm ở chỗ phải có gia đình thì mới có *value* [giá trị], có như vậy áp lực phải lấy chồng sẽ thấp hơn. Nếu bạn ấy chỉ là một người phụ nữ bình thường, sống qua ngày và không có ước mơ, không có hoài bão và cũng không biết đời mình sẽ trôi về đâu nhưng bạn ấy vẫn độc thân thì chắc chắn bạn ấy sẽ bị áp lực rất lớn.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Chị Kim thực sự đã trầm ngâm suy nghĩ, cố gắng vừa tự đặt mình vào trường hợp của chị Hương, vừa một lần nữa nhắc lại quan điểm của chị về điều gì có thể mang lại sự cân bằng cho tình trạng độc thân giữa vòng vây của những lời bình phẩm như vậy. Trở lại với thời gian đầu khi chúng tôi mới gợi ý mời chị Hương và chị Quyên (30 tuổi) tham gia cuộc khảo sát này, họ dường như muốn từ chối vì họ hình dung về phụ nữ độc thân phải là những người có cá tính riêng, độc lập và mạnh mẽ cả về tài chính lẫn về quyết tâm độc thân, còn bản thân họ thì “bình thường” và “muốn có chồng” nên “không rõ ràng để [chúng tôi] có thể viết” về câu chuyện của họ (Nhật ký điền dã, 12/6/2017). Nhưng cuối cùng họ đã tham gia làm thông tin viên vì được biết rằng đề tài nghiên cứu này quan tâm đến các câu chuyện cuộc đời khác nhau. Với hai lần phỏng vấn chính thức và những thông tin cập nhật một cách phi chính thức khác, chúng tôi có thể ghi nhận được những chuyển biến trong cuộc sống độc thân của họ.

Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là nữ giới hiện sinh sống và làm việc tại TPHCM đang ở tình trạng độc thân, tức là không-đang-trong mối quan hệ vợ chồng chính thức với một ai (có đăng ký kết hôn) và cũng chưa hợp thức hóa việc chung sống thông qua đám cưới lần đầu tiên trong đời. Độc thân ở đây hiểu như một trạng thái tạm thời hay suốt đời. Chúng tôi không khảo sát đến nhóm phụ nữ làm mẹ đơn thân. Bài viết này, dựa trên

các câu chuyện của chín trường hợp phụ nữ độc thân trong độ tuổi từ 28 đến 33 mà chúng tôi đã có với họ 11 cuộc phỏng vấn sâu thuộc đề tài *Phụ nữ độc thân kiến tạo cuộc sống (nghiên cứu trường hợp tại TPHCM)* năm 2017⁽²⁾. Tất cả các thông tin viên tham gia vào cuộc nghiên cứu qua cách tìm mẫu dặt dầy - mỗi người là một đầu mối giới thiệu những người khác trong mối quan hệ của họ để chúng tôi tiếp xúc, chọn lọc và phỏng vấn.

Bây trong chín thông tin viên là từ các tỉnh, thành thuộc Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ đến TPHCM học tập và làm việc, có thời gian thường trú lâu nhất là 14 năm và ngắn nhất là hai tháng tính đến thời điểm hiện tại. Hai trường hợp còn lại đã sống tại TPHCM từ khi mới sinh ra. Năm trong số chín người phụ nữ độc thân này hiện đang sống một mình, những người còn lại sống với một hay vài thành viên trong gia đình với ý nghĩa hỗ trợ hay phụng dưỡng cho những người thân đó. Tất cả các thông tin viên kể trên đều có bằng cử nhân, hai trong số đó có bằng thạc sĩ (một được đào tạo tại Việt Nam, một học tại New Zealand) và hiện có một công việc chính thức với thu nhập theo tháng. Bên cạnh đó, đa phần họ làm thêm ít nhất một công việc nữa vì mức lương của họ dưới 15 triệu/tháng và còn vì sở thích, hoặc muốn mở rộng mối quan hệ hay đóng góp cho cộng đồng-xã hội.

Việc tập trung vào nữ độc thân ở quãng tuổi này cũng được khởi đi từ

việc chất vấn lại cách nhìn nhận chung của xã hội về tình trạng độc thân của hai giới tính: “*Trai ba mươi tuổi đang xoan, gái ba mươi tuổi đã toan về già*” (ca dao). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2015: 41, 43), tuổi trung bình kết hôn của nữ ở Việt Nam trong suốt 15 năm từ 1999 đến 2014 chỉ dao động cực kỳ nhỏ tại con số 22,9 tuổi và 24,3 tuổi đối với nhóm nữ có trình độ học vấn từ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Như vậy, so với tuổi trung bình kết hôn của nữ nói chung và với tuổi trung bình kết hôn của nữ có trình độ học vấn cao hơn nói riêng, nhóm đối tượng nữ độc thân từ 28 đến 33 tuổi trong nghiên cứu này đã duy trì tình trạng độc thân dài hơn từ bốn đến chín năm so với thông thường. Điều này cần đặt trong cách nhìn nhận phổ biến của xã hội về sự kéo dài tình trạng độc thân hay *độ trễ* của độ tuổi kết hôn của phụ nữ⁽³⁾. Nó gần như hoàn toàn khác biệt đối với nam. Nam giới có độ tuổi trung bình kết hôn là 26,8 và có thể kéo dài tình trạng độc thân nhiều năm sau (Tổng cục Thống kê 2015: 41). Vì vậy, hiện tượng phụ nữ từ 28 đến 33 tuổi còn độc thân trở nên ngoại lệ và trở thành tâm điểm của các cuộc thảo luận về vấn đề này.

2. TRUYỀN THỐNG KHÔNG HẸN LÀ ĐỐI LẬP VỚI HIỆN ĐẠI: KIẾN TẠO HÌNH ẢNH PHỤ NỮ ĐỘC THÂN

2.1 Cái nhìn phản tư⁽⁴⁾ (reflection) của phụ nữ độc thân

Các tư tưởng Nho giáo trải qua mấy nghìn năm dường như vẫn ảnh

hưởng dai dẳng trong các mối quan hệ và lối hành xử của người Việt (Đặng Thị Chi Vân 2012: 82; Lê Thị Quý 2013: 77); đặc biệt là trong cái nhìn truyền thống chuẩn mực dành riêng cho người phụ nữ. Những tư tưởng mang tính nam trị thường khắt khe, gò ép nữ giới vào chế độ tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử), tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh). Trình tiết vẫn được xem như một thước đo để đánh giá nhân cách của người phụ nữ (P. Martin 2010); và hôn nhân là sự khẳng định giá trị của họ: “*tròng trành như nón không quai, như thuyền không lái, như ai không chồng*”. Hơn nữa, người phụ nữ ở thế phụ thuộc vào những người đàn ông khác trong việc kết hôn và xây dựng gia đình của mình. Bên cạnh đó, họ khó có cơ hội và không được công nhận khả năng đóng góp trên bình diện cộng đồng, xã hội vì Nho giáo quan niệm “phụ nan nan hóa” (phụ nữ khó dạy) và hệ thống quyền lực theo mô hình quân chủ Nho giáo quan liêu chỉ chấp nhận sự tham gia của đàn ông (Đặng Thị Chi Vân 2012: 84; Nguyễn Thị Vân 2014: 10, 34, 54). Tính chất cốt yếu của tư tưởng Nho giáo trong mối tương giao về giới có thể cô đọng lại là “trọng nam khinh nữ”. Vì thế từ nhiều phương diện, chủ thể của một xã hội nam trị luôn muốn gò ép người phụ nữ theo các tiêu chuẩn mà nó đề ra nhằm duy trì trật tự gia đình nam trị, rộng ra là trật tự xã hội với cứu cánh là bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị (Nguyễn Thị Vân 2014: 61).

Quan niệm về bình đẳng giới được đề cập lần đầu tiên vào ngày 3/9/1981 trong *Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ* (The Convention on the Elimination of all forms of Discrimination Against Women - CEDAW) (Liên hiệp quốc). Nhà nước Việt Nam đã phê chuẩn Công ước đó chỉ hai tháng sau khi nó có hiệu lực (Lê Thị Quý 2013: 76). Việc phụ nữ ngày nay tham gia và được thừa nhận trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, hôn nhân gia đình, thậm chí ở nhiều nơi, họ còn đứng ở vị trí lãnh đạo cao cấp, được xem là những biểu hiện của bình đẳng giới thực chất ở Việt Nam (đối lập với bình đẳng giới hình thức) (Lê Thị Quý 2013: 77).

Tuy nhiên, phụ nữ có trình độ học vấn cao, có tính độc lập trong gia đình và trong các hoạt động xã hội, cộng đồng thì dường như vẫn bị xã hội xem như là một sự đe dọa đối với những thứ thuộc về truyền thống hay trật tự xã hội. Một số nhà nghiên cứu (Nguyễn Thị Đức 2013, Nguyễn Thị Vân 2014) cho rằng lịch sử đã sang trang, người phụ nữ hiện đại ở thế kỷ XXI đã có quyền bình đẳng thực sự - có nhiều điều kiện để phát huy năng lực của mình, nhưng đây cũng là thời điểm khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường; và đạo đức phẩm hạnh của người phụ nữ đang bị thử thách gay gắt (Nguyễn Thị Vân 2014: 155). Vì vậy, các nhà nghiên cứu kể trên vẫn đặt gia đình ở vị trí trung tâm, nơi phụ nữ là người chịu trách nhiệm xây dựng và giữ gìn.

Dù hiện đại và bình đẳng đến đâu đi chăng nữa thì người phụ nữ Việt Nam vẫn luôn được giáo huấn rằng *sau thành công của người phụ nữ là gia đình*. Đừng bao giờ đẩy bản thân vào thế đánh đổi gia đình để lấy sự nghiệp (Nguyễn Thị Vân 2014: 117).

Nếu đặt vấn đề như vậy thì quan điểm của xã hội hiện đại vẫn giống tư tưởng Nho giáo ở chỗ là xem người phụ nữ như thể không có nhân dạng hay tính chủ động để tự định đoạt thân phận của chính họ. Và hôn nhân - gia đình được xã hội thừa nhận như một sự trưởng thành của người phụ nữ thông qua vai trò làm vợ, làm mẹ, nghĩa là vẫn phải gắn với nam giới bằng cách này hay cách khác (L. Edward và M. Roces 2000: 10-11; C.W. Ann 2015: 55-56). Vì lẽ đó mà tình trạng độc thân của phụ nữ giống như “một cuộc sống không công chính”, hay chưa toàn vẹn, nhất là trong một xã hội vốn coi trọng hôn nhân và gia đình trong cuộc đời mỗi người (Lê Thi 2008: 19). Khi mà hôn nhân và gia đình vẫn được thừa nhận chính thức hay ngầm ẩn một cách mạnh mẽ trong văn hóa-xã hội, thì đối tượng phụ nữ độc thân có thể bị xem như là ngoại lệ trong xã hội. Sự ngoại lệ này gắn với sự hoài nghi về tư cách phụ nữ, thậm chí còn đi kèm với thái độ thương cảm cho họ và gia đình của họ về việc họ chậm kết hôn hay không lập gia đình. Như vậy, chừng nào phụ nữ vẫn là đối tượng bị phơi bày ra để đánh giá bằng cả một hệ thống khuôn phép dày đặc và khắt

khe; vẫn là người phải có trách nhiệm cốt yếu đối với hạnh phúc gia đình và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống; vẫn bị xem là những tác nhân có thể gây tiêu cực trong cộng đồng xã hội... thì chừng đó trật tự của một xã hội có tính nam trị ở Việt Nam vẫn còn được duy trì và quyền bình đẳng vẫn còn nhiều hạn chế.

2.2. Phụ nữ độc thân và sự tự kiến tạo

Người ta thường có cái nhìn khá rạch ròi hay thậm chí là giản lược về hình ảnh của một người phụ nữ độc thân thời nay và những điều họ đối mặt. Hoặc đó là một người có cá tính, mạnh mẽ và độc lập, hoặc đó phải là một người thụ động, xấu xí hay vô duyên thì mới “ế.” Nhóm thứ nhất chưa thể kết hôn vì “quá kén chọn” hay với những đặc điểm kể trên, họ làm “đàn ông sợ,” “đàn ông không dám đến gần” (Kim, 33 tuổi; xem thêm Linh, 28 tuổi; Xuân, 28 tuổi; Hạnh, 31 tuổi). Hay một kiểu lý giải khác về tình trạng độc thân của nhóm này là vì họ hoàn toàn không chú trọng hay ít có kỹ năng bếp núc, kỹ năng làm việc nhà và chăm sóc người khác. Nhóm thứ hai thì rõ ràng gặp nhiều trắc trở về chuyện tình cảm là do họ không được đàn ông để mắt tới. Những người phụ nữ bị xếp vào nhóm thứ hai thì thường là đối tượng của các cuộc mai mối, gán ghép từ phía gia đình, đồng nghiệp hay bạn bè với mặc định rằng họ “cần lấy chồng gấp” (Hương, 32 tuổi) và lại gần như bế tắc khi tự cố gắng làm việc đó. Tất cả các thông tin

viên trong nghiên cứu này đều đã phải trải qua nhiều kiểu bình phẩm về tình trạng độc thân của họ trong các mối quan hệ khác nhau. Xu hướng chung khi nhìn vào một người phụ nữ độc thân là mọi vấn đề dường như đều bị qui kết nguyên nhân nơi tình trạng độc thân của họ và giải pháp duy nhất để thay đổi là kết hôn.

“Con gái ngoài 30 mà chưa lấy chồng thì hay bị người ta nói nhiều lắm, cảm giác nhiều lúc mình còn tội tệ hơn những đứa chịu lấy chồng rồi ly dị. Những người đổ vỡ hôn nhân lại có giá trị hơn mình, nhiều người nói vậy. Mình chưa lập gia đình nhiều lúc mình nhận những phán xét nó hơi độc ác, mình cảm thấy kinh khủng lắm. Bà con họ hàng hỏi, đồng nghiệp nói. Chị không hiểu sao đàn ông Việt Nam lại phán xét cay nghiệt về những người phụ nữ chưa có chồng. Họ hay nói móc cái này cái kia, hay cố gắng đụng chạm đến chuyện mình chưa có chồng. Một số người còn nói mình: thôi bây giờ lấy được người nào thì lấy đại, kén chọn làm gì” (Hương, 32 tuổi).

2.2.1. Các diễn ngôn về công việc

Sau làn sóng nữ quyền lần thứ nhất giành quyền bầu cử, mục tiêu tranh đấu của phụ nữ trong giai đoạn nữ quyền thứ hai tại Hoa Kỳ là việc được thừa nhận như một người lao động vừa có thu nhập chính thức vừa có đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội và đất nước (R.F. Moran 2004; B. Friedan 2015). Có thể nói, quyền tham gia vào nền kinh tế một cách

chính thức trên bình diện xã hội chính là điều kiện tiên quyết để phụ nữ tự giải phóng bản thân mình, bởi họ sẽ độc lập hơn về tài chính, có vị thế hơn về mặt xã hội và được thừa nhận về mặt năng lực. Trong bối cảnh một đô thị lớn với thành phần dân cư đa dạng như TPHCM thì việc đi làm càng có ý nghĩa hơn, nó mở ra những cơ hội để người phụ nữ độc thân học hỏi và trau dồi kiến thức cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, giao lưu và mở mang các mối quan hệ, để dần dần định hình nên ý nghĩa của công việc trong cuộc sống độc thân của họ.

Việc người phụ nữ dành trung bình 1/3 thời gian trong ngày để làm việc và có thu nhập đều đặn mỗi tháng từ một công việc chính cũng như làm một số công việc khác để tăng thu nhập hoặc phục vụ cộng đồng-xã hội, là một cách trực diện thể hiện tính độc lập, đồng thời để duy trì sự độc lập trong cuộc sống độc thân. Ở phương diện thứ nhất, người phụ nữ độc thân xác định phải “tự phấn đấu học tập, tự kiếm việc tốt” và nhất là nên chọn làm “những gì mình thích, không chỉ để kiếm sống” (Xuân, 28 tuổi; Hạnh, 31 tuổi; Hương, 32 tuổi) và không phí hoài thời gian. Dù quan niệm về thu nhập và chi tiêu tối thiểu của mỗi người là khác nhau nhưng tất cả các thông tin viên trong nghiên cứu này đều đặt ra yêu cầu tự lập cho bản thân họ. Với họ, thu nhập không chỉ để chi vào các khoản thiết yếu như nhà ở, ăn uống hay mua sắm đồ dùng cá nhân, mà còn dành để chu cấp cho cha mẹ, để vui chơi giải trí và

để tiết kiệm. Hai trong chín trường hợp được xét tới trong bài viết này đã mua được căn hộ chung cư ở độ tuổi 30. Những phụ nữ độc thân xem việc chuẩn bị cho tương lai là cần thiết “*vì mình lớn tuổi rồi, không biết khi nào thì lập gia đình nên phải tích góp lo cho cuộc sống của mình, phòng khi ốm đau hay này kia*” (Hương, 32 tuổi), hay “*làm tích lũy một phần để lo cho tuổi già, sau này có tiền khoảng 60, 70 tuổi vô Viện Dưỡng lão*” (Kiều, 32 tuổi), và “*có một công việc tốt để làm thì mới có thể chăm sóc cho mẹ*” (Linh 28 tuổi).

Tại nơi làm việc, người phụ nữ không những mong muốn được “công nhận” những nỗ lực và thành quả mà họ bỏ ra (Hương, 32 tuổi), mà còn kỳ vọng một khoản thu nhập tương xứng, “không làm sống chết để chỉ được một gói xôi” (Hân, 28 tuổi). Qua công việc, họ thấy bản thân mình “năng động” và “nhạy bén” hơn khi không ngừng “học hỏi kinh nghiệm”, “thấy vui tươi” với nhịp sống “bận rộn” (Hương, 32 tuổi; Xuân 28 tuổi; Hân, 28 tuổi; Hạnh 31 tuổi). Vậy nên xét về mặt môi trường làm việc, họ gần như không chấp nhận “sự nhàm chán” (Hân, 28 tuổi) đến từ những đồng nghiệp chỉ muốn “ổn định” (Hân, 28 tuổi; Hương 32 tuổi), hay làm việc “*chỉ để lãnh lương thôi, nhàn nhàn để lo cho chồng con, hình như mọi người không có ước mơ gì cho bản thân*” (Hạnh, 31 tuổi; Quyên, 30 tuổi). Những người phụ nữ độc thân này không muốn trở thành “gánh nặng” hay phải “phụ thuộc” vào bất kỳ ai cho nên họ xác định rằng cho dù

độc thân hay trong hôn nhân, họ sẽ vẫn làm công việc của mình. Thậm chí, nếu trường hợp người đàn ông trong mối quan hệ tình cảm hay hôn nhân với họ có cảm thấy “tủi thân” hay “tự ái” (Hạnh, 31 tuổi) vì có công việc với thu nhập thấp hơn họ thì họ cũng không chọn “hy sinh công việc” của mình để duy trì mối quan hệ đó (Hạnh, 31 tuổi; Kiều, 32 tuổi). Họ đòi hỏi người đàn ông đối ngẫu với họ hiểu và tôn trọng quan điểm của họ về vai trò của việc đi làm, có đầu óc cầu tiến để ủng hộ cho công việc của đôi bên (Hân, 28 tuổi; Linh, 28 tuổi; Hạnh, 31 tuổi).

“Chị gặp nhiều người nói, học cao quá thì không có gia đình, học chỉ cho lắm rồi cuối cùng ế. Rồi sâu sắc quá cũng ế. Em thông minh quá làm người ta sợ, đàn ông nó sợ phụ nữ thông minh lắm em biết hông. Còn nữa: việc gì mà em phải gồng gánh, em tự mua nhà làm cái gì, nhiệm vụ mua nhà là phải để chồng em mua. Rồi người ta cũng sẽ nói là người ta cần một người phụ nữ biết thu vén đồ này kia, còn chị thì kiểu như là chị quá bất cần hay này nọ thì sẽ không có gia đình” (Kim, 33 tuổi).

Những diễn ngôn phổ biến về phụ nữ độc thân trong xã hội hiện đại liên quan đến công việc nhìn chung diễn ra theo hai chiều hướng. Một mặt, đánh đồng sự độc lập tài chính với sự tự mãn về cuộc sống độc thân và không nhìn thấy khía cạnh cảm xúc cô đơn, yếu lòng hay sự chính đáng về đời sống kinh tế của người phụ nữ.

Phụ nữ độc thân luôn bị nhìn như một đối tượng đáng thương và mặc định rằng dù có thành công đến đâu đi chăng nữa thì cũng không thể khóa lấp sự thiếu thốn cuộc sống gia đình so với một người phụ nữ đã kết hôn (Nguyễn Thị Vân 2014: 117; C.W. Ann 2015: 55-56). Sự mặc định rằng gia đình mới chính là cứu cánh của người phụ nữ đã khiến người ta bỏ qua tính chủ động chọn lựa và sự tự chịu trách nhiệm với những lựa chọn đó của những người phụ nữ độc thân.

2.2.2. Các diễn ngôn về cơ thể và trải nghiệm

Việc đến sống và làm việc tại TP HCM hay thuê nhà ở riêng đối với các trường hợp sinh ra tại thành phố này được xem là một cách để họ tự học quán xuyến cuộc sống độc thân (tự chăm sóc bản thân, tự lo về giờ giấc và sinh hoạt của mình): *“Hân hay đi chơi về trễ, Hân muốn xem đi đêm thì sao, không phải là mình nông nhưng mình muốn xem cuộc sống này nó như thế nào, nó ghê gớm cỡ nào”*. Nhưng cũng có trường hợp, người phụ nữ chuyển từ nề nếp cuộc sống độc thân sang cuộc sống gia đình khi đón ba mẹ vào sống cùng tại thành phố. Họ phải trải qua một giai đoạn thích nghi “ngược” và “cực kỳ khủng hoảng” (Kim, 33 tuổi) vì sự thay đổi đó. Và cũng có trường hợp như Xuân (28 tuổi) vẫn sống cùng ba mẹ, vợ chồng anh trai và hai người cháu. Dù là ở hoàn cảnh nào, các thông tin viên cũng cho biết họ yêu thích sự tự do khi sống một mình, mặc dầu cảm thấy

ám áp và được sẻ chia khi được sống trong tình yêu thương gia đình. Nhưng với họ hàng rộng lớn hơn hay mạng lưới hàng xóm ở cộng đồng gốc thì họ muốn hạn chế sự giao tiếp, nhất là những gì liên quan đến những bình luận về tình trạng độc thân của họ.

Trau dồi ngoại ngữ, đọc sách và du lịch là các phương tiện khác giúp người phụ nữ độc thân “mở rộng nguồn tự do của mình hết sức có thể” (Hân, 28 tuổi; Kiều, 32 tuổi; Vị, 32 tuổi). Làm việc và du lịch ở nước ngoài được xem như một cơ hội quý báu để những người phụ nữ trong nghiên cứu này mở rộng quan điểm của họ về mục đích sống, cách kiến tạo cuộc sống độc thân và hạnh phúc gia đình: *“tự do đi nước ngoài càng nhiều càng tốt, đi trải nghiệm càng nhiều càng tốt, yêu người nước nào cũng không quan trọng, mình thích thì mình yêu, đừng vì định kiến xã hội giữ chân mơ ước của mình”* (Hương, 32 tuổi; Linh, 28 tuổi; Xuân, 28 tuổi). Một điểm khá thú vị là 5/9 thông tin viên đều đã có ít nhất một lần trải nghiệm mối quan hệ tình cảm với người đàn ông nước ngoài; thậm chí đồng nghiệp và bạn bè của họ thường cho rằng họ *“chỉ có thể quen với người nước ngoài”* (Hân, 28 tuổi; Linh, 28 tuổi; Kim, 28 tuổi) vì cá tính, bản lĩnh và tính độc lập nơi họ được cho là phù hợp với đàn ông trong các xã hội phương Tây hay ngoài Việt Nam. Những phụ nữ độc thân cũng thừa nhận những người đàn ông nước ngoài có thái độ cởi mở, tôn trọng sự độc lập của họ trong mối quan hệ.

Hơn thế nữa, họ tự phân định bản thân mình không thuộc vào nhóm “bòn rút để thay đổi cuộc đời” (Hân, 28 tuổi) mà dư luận hay nhắc đến như một đặc trưng của mối quan hệ giữa người phụ nữ Việt Nam với một người đàn ông nước ngoài. Họ cũng không đồng tình với nhãn mác “sính ngoại” (Hân, 28 tuổi; Vân, 33 tuổi; Hương, 32 tuổi) gán lên mối quan hệ như vậy. Họ nhìn mỗi quan hệ này như một dạng *“tìm thấy sự đồng điệu với cuộc sống của người nước ngoài”* (Hân, 28 tuổi; Hương, 32 tuổi; Linh, 28 tuổi).

Trong việc thực hành bình đẳng giới ở Việt Nam (Nguyễn Thị Đức 2013: 75), việc coi trọng vai trò của tình dục đối với hạnh phúc gia đình hay sự hòa hợp trong một mối quan hệ tình cảm nam nữ được xem là sự thay đổi lớn. Những người phụ nữ độc thân có hai luồng quan điểm về vấn đề này. Một mặt, tất cả các thông tin viên đều thừa nhận rằng, việc phụ nữ độc thân có quan hệ tình dục với người đàn ông mà họ có tình cảm và tin tưởng trong mối quan hệ yêu đương rõ ràng là chuyện bình thường. Điều quan trọng là người phụ nữ đảm bảo được sức khỏe sinh sản của họ. Nhưng hai trong số chín thông tin viên không chấp nhận để mình có quan hệ tình dục trước hôn nhân: *“có gia đình thì mới có tình dục”* (Quyên, 30 tuổi) vì “ngần ngại” ảnh hưởng đến “danh dự của bản thân” (Hạnh, 31 tuổi). Những trường hợp còn lại xem tình dục vừa là “một yếu tố quan trọng” để đánh giá sự hòa hợp trong một mối quan hệ tình cảm, vừa là một tiêu chí để có thể

tiến tới hôn nhân và hài lòng về hôn nhân (Hương, 32 tuổi; Hân, 28 tuổi; Linh, 28 tuổi; Kim, 33 tuổi). Hân cho rằng, việc nhượng bộ để đi đến một cuộc sống hôn nhân trong khi tình dục không hòa hợp là một sự “thiếu thốn” cho phụ nữ, vì phụ thuộc vào sự hài lòng của người chồng. Khi được hỏi có hay không sự băn khoăn, lo lắng trước quan niệm trinh tiết của người đàn ông trong những mối quan hệ tương lai, một mặt những người phụ nữ độc thân này cho rằng *“trong chuyện tình cảm thì mình đâu có biết sau này sẽ như thế nào, bây giờ mình cứ sống thoải mái. Rồi sau này mình gặp được ai, nếu mà người ta thương mình thì có thể chấp nhận mọi thứ, còn không thì thôi, điều đó chị không có quan trọng nữa. Nhiều khi mình khắt khe với bản thân mình quá mình cảm thấy không được thoải mái tự tưởng”* (Kiều, 32 tuổi). Và, *“với một người đàn ông mà họ coi trọng chuyện trinh tiết á? Dĩ nhiên là mình không có lấy người đó rồi tại vì cái suy nghĩ khác nhau thì làm sao lấy nhau được”* (Linh, 28 tuổi). Nhìn chung, quan niệm ủng hộ đời sống tình dục trong tình trạng độc thân có thể được xem như một dấu hiệu của đầu óc cởi mở và hiện đại của phụ nữ độc thân, nó cũng là tiêu chí để phụ nữ “sàng lọc”, tìm người đàn ông đồng quan điểm với họ và cân nhắc việc tiến xa hơn trong mối quan hệ tình cảm.

Trải nghiệm gần như là một từ khóa trong các câu chuyện về tình trạng độc thân của phụ nữ. Họ nhấn mạnh

điều này như một phương châm sống của mình. Nội hàm của trải nghiệm bao trùm trong các lĩnh vực về thiết lập cuộc sống cá nhân, các mối quan hệ và cả về tình dục. Những người phụ nữ độc thân trong nghiên cứu này đang phải tìm cách thoát ra khỏi quan niệm cho rằng phụ nữ độc thân càng lớn tuổi sẽ thay đổi tính tình theo hướng khó chịu hơn: *“phụ nữ không lập gia đình là tự nhiên họ khó tính hẳn lên”* (Hương, 32 tuổi; Hạnh, 32 tuổi). Và rằng cơ thể của người phụ nữ độc thân cũng sẽ thay đổi mạnh mẽ hơn khi bước vào giai đoạn tiền và mãn kinh so với phụ nữ đã kết hôn: *“chưa lập gia đình, chưa sinh con nên sợ có những thứ triệu chứng khác với phụ nữ có gia đình, nói chung là khó chịu và mệt”* (Hạnh, 31 tuổi; Kim, 33 tuổi; Hương, 32 tuổi). Thêm vào đó những phụ nữ độc thân còn chịu áp lực về giới hạn tuổi sinh học để có thể sinh con.

2.2.3. Sự phản tư của phụ nữ độc thân về hôn nhân-gia đình và diễn ngôn về cứu cánh hạnh phúc

Nhắc đến tình trạng độc thân của phụ nữ hiện nay, người ta thường nhìn nhận như một sự phai nhạt hay phủ nhận mẫu hình hôn nhân-gia đình, thay vào đó là xác lập tự do và độc lập của cái tôi cá nhân. Phụ nữ càng cho thấy tính chủ động và hiện đại thì càng bị cho là thách thức lại các giá trị văn hóa truyền thống thuộc về thiết chế gia đình (Trần Hữu Quang 2011; C.W. Ann 2015; Vũ Thị Thu Thanh, 2017). Từ tư liệu của nghiên cứu này,

chúng tôi nhận thấy rằng, phụ nữ độc thân cho dù sở đắc các đặc điểm được cho là hiện đại hay tiến bộ cũng *“không có suy nghĩ tiêu cực về chuyện hôn nhân và không chống lại hôn nhân”* (Vân, 33 tuổi). Nhưng họ cũng không xem gia đình như cứu cánh hạnh phúc hay *phương thuốc trị bách bệnh* mà đề cao *“sự chia sẻ,” “tính có thể nương tựa vào nhau,”* và *“sự cảm thông”* bên cạnh tình cảm lãng mạn để đi đến quyết định kết hôn với một ai đó (Quyên, 30 tuổi; Linh, 28 tuổi; Kim, 33 tuổi; Hương, 32 tuổi; Vân, 33 tuổi; Kiều, 32 tuổi). Những người phụ nữ độc thân trong nghiên cứu này không ngần ngại thừa nhận rằng họ nóng tính, họ không hẳn là người dịu dàng, càng không chấp nhận hy sinh vô điều kiện cho đối tác trong mối quan hệ tình cảm hay mối quan hệ hôn nhân. Họ cũng không tự gây áp lực cho bản thân về chuyện phải là *“người phụ nữ đảm đang của gia đình”* (Hân, 28 tuổi; Kim, 33 tuổi; Hạnh, 31 tuổi). Đặt tiêu chí *“thoải mái là chính mình”* (Kiều, 32 tuổi) trong một mối quan hệ lên trên hết, nên họ cũng đòi hỏi sự tôn trọng từ đối tác để trao đổi cởi mở về tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, lối sống cho đến dự định về con cái. Đối với họ, *“chọn đại một anh để yêu, rồi lập gia đình thì cũng được, đâu có khó đâu, thiếu gì. Nhưng mà vấn đề là mình có hạnh phúc với anh đó hay không, hay là mình chọn để mình mang tiếng có chồng với người ta. Quan điểm của mình thà là không có, còn có thì phải chọn đúng người, mình chỉ đợi đúng người. Mình tin là mình sẽ gặp người*

phù hợp với mình, cho nên mình không có lo” (Linh, 28 tuổi).

Tất cả các kiểu và các mức độ bình luận về tình trạng độc thân của họ dù bông đùa hay ác ý dần dần cũng được họ nhìn nhận một cách *“đơn giản”* (Hương, 32 tuổi; Hân, 28 tuổi; Kim, 33 tuổi) theo kiểu *“đâu thể ngồi làm hài lòng người khác, chị nghĩ kệ họ, thời gian nó cũng khác, mình lo mình sống cuộc sống của mình, mỗi người có cuộc sống riêng”* (Hương, 33 tuổi). Dù vậy, họ vẫn lo những lời bàn tán sẽ ảnh hưởng hay gây áp lực cho chính cha mẹ của họ, những người thuộc thế hệ trước, dấu sao cũng ủng hộ việc cần lập gia đình để ổn định cuộc sống và có người chăm lo về già. Một mặt, họ xác định *“ế nhưng không dễ dãi”* (Kim, 33 tuổi) nên phải *“vững lòng”* (Hạnh, 31 tuổi) để không *“cưới đại, cưới vội”* (Kim, 33 tuổi) mà bản thân không thấy thực sự đúng người, đúng thời điểm. Mặt khác, họ chấp nhận tính bất định của một cuộc hôn nhân, nghĩa là họ không kỳ vọng vào hạnh phúc mà hôn nhân-gia đình mang lại. Với suy nghĩ này, họ vừa có những sự chuẩn bị về tài chính liên quan đến công việc như chúng tôi đã bàn bên trên, vừa thiết kế cuộc sống độc thân của mình với các sở thích và mối quan hệ xã hội đa dạng trong bối cảnh đô thị lớn như TPHCM, vừa phản tư vừa định hình nên quan điểm riêng về độc thân và hôn nhân gia đình.

“Mình nghĩ là mỗi người nên có khoảng thời gian sống độc thân trước

khí bước vào cuộc sống hôn nhân để mình biết cách tự lo chăm sóc bản thân mình, rồi khi mà mình ở cùng một người nào đó mình sẽ biết cách chăm sóc cho họ (Vân, 33 tuổi). *“Mình nghĩ cuộc đời mình còn nhiều mảnh lắm, mình có rất nhiều thứ, mình được làm những thứ mình thích”* (Xuân, 28 tuổi). *“Ngay cả việc chồng mình cũng có thể bỏ mình ra đi nên mình nghĩ thoáng, đến lúc đó cũng làm cho mình bớt hụt hẫng”* (Kiều, 32 tuổi).

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, hôn nhân-gia đình vẫn được xem là mục đích quan trọng của cuộc đời, đặc biệt là đối với nữ giới. Tuy nhiên, các số liệu thống kê lại cho thấy một nhóm phụ nữ có học thức có *độ trễ* khá lớn so với tuổi kết hôn trung bình của người nữ. Điều này đã và đang đặt họ trong vòng vây của nhiều kiểu diễn ngôn tiêu cực của xã hội về tình trạng độc thân của họ. Những điều đó không chỉ khiến họ có thể cảm thấy khó chịu, tệ hại về chính bản thân mình mà còn gây áp lực lên người thân của họ. Nhưng bằng trải nghiệm của bản thân và sự rút tỉa kinh nghiệm

từ chính gia đình lớn của họ, cũng như của những người khác trong mạng lưới quan hệ xã hội, họ dần dần định hình nên những điều cần thiết cho một cuộc sống độc thân cũng như là những lý lẽ mang tính phản tư đối với các khuôn mẫu mang tính phổ quát về giới hay giá trị gia đình. Điều khiến chúng tôi không khỏi thú vị và muốn nhấn mạnh từ kết quả của cuộc nghiên cứu này là: hôn nhân-gia đình vẫn có ý nghĩa sâu sắc và quan trọng, vừa mang tính kết nối với những thành viên cùng huyết thống vừa được kỳ vọng như một không gian nơi hạnh phúc cá nhân được nâng cao với những người đối ngẫu phù hợp.

Mặt khác, chúng tôi muốn làm rõ những cái nhìn giả tạo và hình thức về vấn đề bình đẳng giới, hay việc nhìn nhận về tính chủ động của phụ nữ. Chúng tôi cho rằng, các diễn ngôn xoay quanh tình trạng độc thân của phụ nữ cũng như hình mẫu còn giản lược và thiếu nhân bản về người phụ nữ hiện đại nói chung, cho thấy còn những nỗi bất an liên quan đến trật tự của một xã hội vẫn còn mang tính nam trị. □

CHÚ THÍCH

Bài viết là một phần kết quả của đề tài *Phụ nữ độc thân kiến tạo cuộc sống (nghiên cứu trường hợp tại TPHCM)*; chủ nhiệm: Thiều Thị Trà Mi; chủ trì: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

⁽¹⁾ Tất cả tên riêng trong bài viết này đều được thay đổi vì mục đích bảo mật danh tính cho thông tin viên. Thông tin được trích dẫn từ các cuộc phỏng vấn sâu sẽ được ghi dưới hình thức tên người trả lời và tuổi.

⁽²⁾ Dữ liệu định tính của đề tài này bao gồm 24 cuộc phỏng vấn từ 14 thông tin viên, trong đó có hai thông tin viên là nam giới, độc thân, và một thông tin viên là nữ, đã kết hôn được một năm. Phổ tuổi của các thông tin viên kéo dài từ 25 tuổi đến 47 tuổi.

⁽³⁾ Trong đa dạng các thuật ngữ được sáng tạo từ nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau để định danh một cách châm biếm, miệt thị hay trung tính hoặc cảm thương với phụ nữ đang ở tình trạng độc thân, chúng tôi chọn cụm từ Phụ nữ độc thân (single woman) thay vì Phụ nữ chưa hay không lập gia đình (unmarried woman) trong nghiên cứu của mình như một cách khước từ sự ngầm định rằng hôn nhân-gia đình gần như là lẽ đương nhiên đối với phụ nữ. Hay nói cách khác, chúng tôi không xem xét hôn nhân-gia đình như một khái niệm trung tâm, còn độc thân như một kiểu ngoại vi. Cách làm này có thể hỗ trợ chúng tôi giữ thái độ trung lập hay đầu óc cởi mở khi phân tích.

⁽⁴⁾ Từ này trong tiếng Anh là *reflection*. Trong bản dịch *Sự kiến tạo xã hội về thực tại* do Trần Hữu Quang chủ biên, được xuất bản bởi Nhà xuất bản Tri Thức vào năm 2015, tác giả đã dịch từ *reflection* thành *sự phản tư* trong tiếng Việt. Định nghĩa của từ này cũng như sự lý giải thêm về bối cảnh ra đời và nội hàm của khái niệm đã được Trần Hữu Quang trình bày trong phần Chú thích thuật ngữ (trang 308).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 27/4/2007. Nghị quyết của Bộ Chính trị 11-NQ/TW về *Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Cập nhật 8/8/2015.
2. Chang, Wan-lih Ann. 2015. “A Woman Alone: The Depictions of Spinster in Irish Women’s Short Stories”. *Estudios Irlandeses*. Số 10.
3. Đặng, Thị Chi Vân. 2012. “Phụ nữ Hà Nội: truyền thống và cách tân trong những năm đầu thế kỷ XX”. *Phát triển bền vững thủ đô Hà Nội - Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
4. Friedan, Betty. 2015. *Bí ẩn nữ tính*. Nguyễn Văn Hà dịch. TPHCM: Nxb. Hồng Đức.
5. Lê Thị Quý. 2013. “Bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. Số 3/2013.
6. Louise, Edwards và Mina Roces. 2000. *Women in Asia: Tradition, Modernity and Globalisation*. Australia: Allen & Unwin.
7. Martin, Philip. 2010. “‘These Days Virginity is Just a Feeling’: Heterosexuality and Change in Young Urban Vietnamese Men”. *Culture, Health & Sexuality*. 12(5).
8. Moran, Rachel F. 2004. “How Second-Wave Feminism Forgot the Single Woman”. *Hofstra Law Review*. 33(5).
9. Nguyễn Thị Đức. 2013. “Tác động của việc thực hiện bình đẳng giới đến những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*. Số 6.
10. Nguyễn Thị Vân. 2014. *Thuyết tam tông, tứ đức trong Nho giáo và ảnh hưởng của nó đối với người phụ nữ Việt Nam hiện đại*. Luận án tiến sĩ. Học viện Chính trị Quốc gia TPHCM.
11. Schuler, Sidney Ruth và cộng sự. 2006. “Constructions of Gender in Vietnam: In Pursuit of the ‘Three Criteria’”. *Culture, Health & Sexuality*. Số 8(5).
12. Tổng cục Thống kê - Bộ kế hoạch và Đầu tư. 2015. *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: các kết quả chủ yếu*.
13. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. 1/8/2005. “Hướng dẫn triển khai phong trào thi đua ‘giỏi việc nước, đảm việc nhà’ trong nữ công nhân viên chức lao động (giai đoạn

2006-2010)". <http://hethongphapluatvietnam.net/huong-dan-so-1456-2005-hd-tldldvn-ve-viec-huong-dan-trien-khai-phong-trao-thi-dua-gioi-viec-nuoc-dam-viec-nha-trong-nu-cnv-cld-giai-doan-2006-2010-do-tong-lien-doan-lao-dong-viet-nam-ban-hanh.html>. Cập nhật 8/8/2015.

14. Trần Hữu Quang. 2011. *Độc thân và hôn nhân: đằng sau một cuộc thảo luận*. (Không rõ kênh phát hành).

15. Trần Thị Phụng Hà và Nguyễn Ngọc Lệ. 2014. "Định hướng giá trị trong tình yêu-hôn nhân và gia đình của sinh viên đại học Cần Thơ". *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ* - Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục. Số 33.

16. Trương Thị Cẩm Vân. 2013. "Quan niệm làm đẹp của phụ nữ Việt từ truyền thống đến hiện đại qua cách tiếp cận nhân học văn hóa". *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*. Số 4.

17. Vũ Thị Thu Thanh. 2017 (bản thảo). "Tình trạng độc thân cao ở người phụ nữ Việt gốc Hoa (trường hợp cộng đồng người Hoa Cái Răng)", trong đề tài cấp nhà nước *Dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*; chủ nhiệm: PGS.TS. Lê Thanh Sang; cơ quan tài trợ: Bộ Khoa học và Công nghệ.